

Số: 349 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 14 tháng 4 năm 2018

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 4 và kế hoạch tháng 5 năm 2018 (tính đến ngày 15/4/2018)

Tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản trong tháng có những thuận lợi như thời tiết tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và khai thác thủy sản, giá cả đầu ra một số nông thủy sản tăng (lúa, tôm, cua biển); các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục được kiểm soát; các công tác chuyên môn thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, cũng có một số khó khăn như nắng nóng làm ảnh hưởng đến tiến độ thả nuôi thủy sản; giá dừa khô, mía nguyên liệu và một số loại hoa màu ở mức thấp ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp đạt được một số kết quả, cụ thể như sau:

#### I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### 1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

###### a) Trồng trọt

Cây lúa: Thu hoạch 39.299 ha lúa Đông Xuân, năng diện tích đã thu hoạch vụ này đến nay 53.531 ha, đạt 81% diện tích xuống, năng suất trung bình 6,42 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,65 tấn/ha), trong đó cánh đồng lớn 2.967 ha, năng suất trung bình 6,7 tấn /ha; diện tích còn lại chủ yếu giai đoạn chín, chờ thu hoạch nên tình hình sâu bệnh không đáng kể. Vụ Hè Thu xuống giống 2.622 ha.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 3.683 ha, năng đến nay gieo trồng 26.116 ha (thấp hơn cùng kỳ 531 ha), đạt 47,1% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 3.314 ha, màu thực phẩm 12.624 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 10.178 ha. Công ty TNHH hạt giống Vạn Phát đầu tư giống ốt và bao tiêu sản phẩm, diện tích 45 ha, đã thu mua được 19,77 tấn, giá thu mua bình quân 12.000 đồng/kg; doanh nghiệp tư nhân Út Trà cung cấp giống, phân bón và tiêu thụ 25 ha đậu phộng, đã thu mua 200 tấn, giá thu mua trung bình 12.500 đồng/kg đậu tươi.

\* *Tình hình thu hoạch và tiêu thụ mía:* Thu mua 416 ha, năng tổng số đến nay đã thu mua được 2.758 ha, đạt 53,6% diện tích (tương đương khoảng 275.800 tấn), còn lại chưa thu hoạch 2.379 ha. Nguyên nhân do thiếu nhân công thu hoạch.

Nhân nuôi 35.500 ong ký sinh và 1.350 bọ đuôi kìm phóng thích ra môi trường tự nhiên để quản lý bọ cánh cứng hại dừa. Lũy kế đến nay nhân nuôi 202.000 ong ký sinh và 5.700 bọ đuôi kìm phóng thích ra tự nhiên để quản lý bọ cánh cứng hại dừa; thu gom 1.170 kg bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật mang

tiêu hủy đúng nơi quy định; tổ chức tổng kết đánh giá mô hình trình diễn lúa lai tại Châu Thành và mô hình trồng đậu phộng tại xã Ngọc Biên huyện Trà Cú.

### **b) Chăn nuôi, thú y**

Đầu tháng giá heo hơi vẫn ở mức thấp, nhưng tăng vọt vào giữa tháng lên mức 40.000 đồng/kg; giá gia cầm, giá bò vẫn ổn định; các loại bệnh nguy hiểm không phát sinh.

Vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng cúm 289.526 con gia cầm, LMLM 1.503 con gia súc, đại chó, mèo 620 con; tiêm phòng các bệnh thường xuyên cho 57.939 con gia súc; các loại vaccine khác 218.240 con. Nâng tổng số đến nay đã vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng cúm 681.139 gia cầm, LMLM gia súc 4.856 con, đại chó, mèo 1.540 con; tiêm phòng các bệnh thường xuyên cho 174.192 con gia súc; các loại vaccine khác 627.820 con. Kết quả tiêu độc khử trùng tại 3 huyện Càng Long, Cầu Kè và Trà Cú được 2,86 triệu m<sup>2</sup> của 44.336 lượt hộ, sử dụng 1.731 lít hóa chất, các địa phương còn lại chuẩn bị triển khai thực hiện; đã mua thuốc xong và cấp cho các huyện; trực tiếp hướng dẫn địa phương cách ghi chép biểu mẫu tiêu độc khử trùng tại huyện Cầu Kè, Càng Long và Trà Cú.

Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh 58.458 con gia súc, 236.745 con gia cầm, 72,2 tấn sản phẩm động vật. Nâng đến nay kiểm dịch được 170.684 con gia súc, 758.915 con gia cầm và 219 tấn sản phẩm động vật.

### **c) Lâm nghiệp**

Thực hiện kế hoạch chăm sóc, bảo vệ rừng năm 2018; tổ chức 89 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản; cấp 03 giấy phép xuất bán động vật hoang dã. Nâng tổng số đến nay tổ chức 304 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện 03 trường hợp vi phạm, đã xử lý theo quy định pháp luật; cấp 14 giấy phép xuất bán động vật hoang dã. Vệ sinh phòng cháy 258,6 ha rừng, đạt 100% kế hoạch. Vận động 75 hộ dân sống tiếp giáp với rừng ký cam kết sử dụng lửa an toàn.

Đề xuất chủ trương đầu tư Dự án xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng chống sạt lở bờ sông xã Định An, huyện Trà Cú; kiểm tra diện tích rừng trồng thay thế tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh. Xây dựng định mức gieo ươm, trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật một số loài cây lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**d) Thủy sản:** Sản lượng thủy sản thu hoạch trong tháng đạt 13.375 tấn. Nâng tổng số đến nay đạt 44.291 tấn (đạt 21,9% kế hoạch), tăng 1.666 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 6.608 ha, thu hoạch 7.454 tấn (2.101 tấn cá lóc, 564 tấn tôm sú, 2.322 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng tổng số đến nay thả nuôi 19.335 ha, thu hoạch 21.904 tấn (7.190 tấn cá lóc, 1.538 tấn tôm sú, 6.054 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 17,2% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 594 tấn, trong đó:

- Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 381 triệu con tôm sú giống, diện tích 4.019 ha; 902 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 1.687 ha; 39 triệu con cua biển, diện tích 04 ha; thu hoạch 3.193 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 965 triệu con tôm sú giống, diện tích 14.720 ha; 1,79 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 3.152 ha; 130 triệu con cua biển, diện tích 202 ha; thu hoạch 8.480 tấn (cao hơn cùng kỳ 2.418 tấn).

- Vùng nước ngọt: Thả nuôi 13,5 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 130,9 ha (cá lóc 9,4 triệu con, diện tích 21 ha, cá tra 237 ngàn con, diện tích 1,3 ha), thu hoạch 4.261 tấn. Nâng tổng số thả nuôi 43,3 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 415 ha (cá lóc 30,6 triệu con, diện tích 68 ha, cá tra 1,67 triệu con, diện tích 5,13 ha); thu hoạch 13.424 tấn, đạt 18,8% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.824 tấn.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh: Phân công cán bộ kỹ thuật xuống các địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát tình hình bệnh. Kiểm dịch 187 triệu con tôm sú giống, 261 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 08 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 18 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản. Nâng đến nay đã kiểm dịch 400 triệu con tôm sú giống, 616 triệu con tôm thẻ chân trắng, thực hiện 33 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 44 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản (21 mẫu nhiễm đốm trắng).

Khai thác thủy sản: Sản lượng khai thác trong tháng 5.921 tấn (785 tấn tôm), nâng tổng số 22.387 tấn (3.802 tấn tôm), đạt 29,9% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.071 tấn, trong đó:

- Khai thác nội đồng: 632 tấn (165 tấn tôm), nâng tổng số 3.136 tấn (1.163 tấn tôm), đạt 27% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 91 tấn.

- Khai thác hải sản: 5.289 tấn (620 tấn tôm), nâng tổng số đạt 19.251 tấn (2.639 tấn tôm), đạt 30,5% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 980 tấn.

Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.023 tấn thủy sản (tôm sú 22 tấn, tôm thẻ 435 tấn), chế biến 308 tấn, tiêu thụ 520 tấn, kim ngạch xuất khẩu 2,1 triệu USD. Nâng tổng sản lượng thu mua 3.313 tấn (tôm sú 219 tấn, tôm thẻ 1.756 tấn), chế biến 1.741 tấn, tiêu thụ 1.567 tấn, kim ngạch xuất khẩu 11,3 triệu USD.

#### ***e) Phát triển nông thôn***

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Công tác tuyên truyền, vận động: Tổ chức 292 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 7.180 lượt người; công nhận 1.787 hộ, 9 ấp đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng tổng số tổ chức 774 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 26.985 lượt người; công nhận 148.613 hộ (đạt 66,5% số phát động) và 234 ấp (chiếm 34,3%) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Kết hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ 222,1 tỷ đồng cho các địa phương (ngân sách Trung ương 114,9 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 107,2 tỷ đồng) triển khai thực hiện các công trình xây dựng cơ bản và hỗ trợ sản xuất.

- Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí đến nay có 30 xã đạt 19/19 tiêu chí; 03 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 30 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 22 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí

Chương trình bố trí dân cư:

- Quyết toán công trình hoàn thành dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông; rà soát số hộ dân sạt lở để điều chỉnh quy mô hộ dân cần di dời và khái toán chi phí bồi hoàn, giải phóng mặt bằng Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa.

- Công tác di dời dân: Phối hợp UBND thị xã Duyên Hải, Trường Long Hòa lập danh sách các hộ có đơn tự nguyện xin bố trí ổn định dân cư.

Kinh tế hợp tác: Hoàn thành việc chuẩn hóa tài liệu và xây dựng kế hoạch tập huấn kinh tế hợp tác năm 2018; vận động thành lập mới 02 HTX, lũy kế đến nay trên địa bàn tỉnh có 71 HTX nông nghiệp. Xây dựng biểu mẫu đánh giá HTX theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Hỗ trợ HTX Rạch Lợp và HTX Phú Cần, huyện Tiểu Cần xây dựng phương án cánh đồng lớn sản phẩm lúa.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Lắp đặt cho 349 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 109.390 hộ; xây dựng kế hoạch hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; lập dự toán duy tu, sửa chữa các trạm cấp nước; lập dự án sự nghiệp thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

## **2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành**

**a) Công tác quy hoạch:** Tổ chức họp Hội đồng thẩm định Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và kết hợp đơn vị tư vấn hoàn chỉnh theo ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

### **b) Tham mưu xử lý, ban hành văn bản**

Tham mưu xây dựng Dự thảo Quyết định ban hành Quy định về phân cấp quản lý khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tư pháp thẩm định và dự thảo Nghị quyết về Quy định một số chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào ngành hàng tôm đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu xây dựng Kế hoạch của Tỉnh ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; trình phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 – 2020 và kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2017-2020; lấy ý kiến các Sở, ngành và địa phương Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU về lãnh đạo phát triển một số cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

### **c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão**

Kết hợp địa phương tổ chức thực hiện 38 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 20.299 m, khối lượng 65.679 m<sup>3</sup>. Lũy kế đến nay thực hiện được 67 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 33.848 m, khối lượng 108.319 m<sup>3</sup>, đạt 11% kế hoạch.

Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng công trình Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2018; bàn giao mặt bằng thi công công trình sục lún, hư hỏng mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh.

Tổ chức 16 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 04 trường hợp vi phạm, nâng đến nay tổ chức 58 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 05 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

### **d) Công tác xây dựng cơ bản**

Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 20 dự án (03 dự án hoàn thành, 15 dự án chuyển tiếp và 02 dự án khởi công mới), gồm: 05 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 10 công trình đê, kè; 05 công trình dân dụng; trong tháng giải ngân 3,5 tỷ đồng, lũy kế đến nay đã giải ngân 22,4 tỷ đồng, đạt 12,8% kế hoạch.

**e) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá**

Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp: Kiểm tra, đánh giá 22 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, kết quả 14 cơ sở loại A, 08 cơ sở loại B; cấp 05 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP và 09 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 50 mẫu nông sản thực phẩm phân tích, kiểm nghiệm giám sát dư lượng chất độc hại. Nâng tổng số đến nay đã kiểm tra, đánh giá 111 cơ sở về điều kiện bảo đảm ATTP có 69 cơ sở loại A, 42 cơ sở loại B; cấp 34 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 49 giấy xác nhận kiến thức ATTP; thu 173 mẫu (103 mẫu nông sản, 70 mẫu thủy sản) phân tích, kiểm nghiệm chất lượng phát hiện 04 mẫu vi phạm (01 mẫu cá khô nhiễm Trichlofon, 01 mẫu lựu nhiễm Natri Benzoat, 01 mẫu dưa cải nhiễm vàng ô và 01 mẫu cà phê có hàm lượng caffein thấp hơn mức công bố).

Quản lý tàu cá, cảng cá:

- Kiểm tra an toàn kỹ thuật 39 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 07 tàu, đăng ký 12 tàu, cấp 15 sổ danh bạ (59 thuyền viên), cấp 53 giấy phép khai thác thủy sản, xoá 04 tàu. Nâng tổng số đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 225 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 60 tàu, đăng ký 71 tàu, cấp 85 sổ danh bạ (376 thuyền viên), cấp 191 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 26 tàu, cấp 04 giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.190 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 135.321 CV (295 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

- Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.357 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.658 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 115 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay đã thu dịch vụ sử dụng cảng 4.240 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 6.922 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 350 triệu đồng.

Công tác thanh tra, kiểm tra: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 35 cơ sở, thu 35 mẫu (21 mẫu thức ăn thủy sản, 02 mẫu thức ăn chăn nuôi, 02 mẫu thuốc thú y thủy sản, 04 mẫu sản phẩm xử lý môi trường nuôi thủy sản, 06 mẫu phân bón) để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; ra quyết định xử phạt 07 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay đã thanh tra 258 lượt cơ sở, phương tiện, thu 63 mẫu vật tư nông nghiệp để kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 26 trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

**f) Công tác khuyến nông và công tác giống**

Triển khai thực hiện đề tài cấp tỉnh: Xây dựng và hoàn thiện quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn thích ứng biến đổi khí hậu, hiện tôm đã chuyển sang ao nuôi và phát triển bình thường, tỷ lệ số đạt 92%, số lượng 230 ngàn con. Đã hoàn thành việc chọn hộ tham gia dự án Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao (quy mô 80 con bò sinh sản) và dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao, quy mô 20 ha.

Tổ chức 93 lớp tập huấn về kỹ thuật sản xuất lúa giảm lượng giống gieo sạ, kỹ thuật nuôi tôm sú, tôm thẻ, cua biển và chương trình cùng nông dân bảo vệ môi trường cho 2.780 lượt nông dân dự; 05 cuộc hội thảo, tổng kết; tư vấn 207 lượt hộ.

Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 125 cuộc tập huấn cho 4.407 lượt nông dân dự; 08 cuộc hội thảo, tổng kết; tư vấn trực tiếp cho 374 lượt hộ về cải tạo ao, xử lý nước, chọn và thả giống, kỹ thuật nuôi tôm 2 giai đoạn; tổ chức hội thảo tổng kết đánh giá 08 mô hình (nuôi cá thát lát cườm kết hợp cá tra; nuôi cua luân canh trong ao tôm sú, tôm thẻ; phục tráng và chọn giống đầu phụng,...). Tiếp tục theo dõi 13 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp, khuyến nông quốc gia và các dự án kết hợp.

Đang hoàn chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi mới và qui trình kỹ thuật các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực theo Nghị quyết số 17-NQ/TU của Tỉnh ủy; họp Hội đồng Khoa học công nghệ cơ sở để thẩm định các tài liệu hướng dẫn, tuyên truyền của ngành.

#### Công tác giống:

- Giống cây trồng: vụ Đông Xuân đã thu hoạch dứt điểm 8,9 ha lúa giống (cấp nguyên chủng 5 ha), năng suất trung bình 5,7 tấn/ha, hiện đang xử lý sau thu hoạch; cung ứng 9,14 tấn lúa giống cấp xác nhận 1. Lũy kế đến nay đã cung ứng trên 10 tấn lúa giống xác nhận 1 và 638 cây giống các loại; tiếp tục theo dõi, chăm sóc mô hình trồng bưởi da xanh (S1) tạo nguồn cây đầu dòng.

- Giống thủy sản: Tiếp tục chăm sóc 70 con tôm càng xanh bố mẹ, 300 con tôm cái và đàn cá tra, cá lóc bố mẹ, chuẩn bị cho đẻ trứng; lắp đặt 9 bể ương ấu trùng tôm sú, tôm thẻ (8 triệu ấu trùng); sản xuất, cung ứng và điều tiết 5,53 triệu con tôm giống các loại; 110 ngàn con cua biển giống và 500kg cá các loại. Nâng tổng số đến nay sản xuất, cung ứng và điều tiết 12,4 triệu con tôm giống các loại, 10 triệu con cá tra bột, 1,2 triệu con cua biển giống, 1,6 triệu con cá lóc giống và 1.430 kg cá các loại.

- Giống vật nuôi: Tiếp tục chăm sóc đàn gà tàu vàng (đòng bố mẹ) thả vườn sinh sản được 7,5 tháng tuổi, tỷ lệ đẻ cao nhất đạt 56,6%.

### **3. Tình hình thực hiện chính sách**

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Hỗ trợ đầu tư 158 công trình khí sinh học, 05 con heo giống và 03 bình nitơ. Nâng tổng số đến nay đã hỗ trợ mua 41 con heo, bò đực giống, xây dựng 5.601 công trình khí sinh học, 2.924 liều tinh, 53 bình nitơ, đào tạo 28 dẫn tinh viên, giải ngân 28,55 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch vốn phân bổ.

Chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND: Tiếp nhận 02 hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí áp dụng VietGAP, trong đó có 01 dự án đủ điều kiện và được duyệt trong tháng 3/2018.

Chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Kinh phí được phân bổ 84,235 tỷ đồng, các huyện Trà Cú, Châu Thành, Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần và Càng Long triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất lúa; huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh đang khẩn trương lập thủ triển khai thực hiện.

Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Đã có báo cáo UBND tỉnh việc Công ty Lương thực Trà Vinh xin ngừng thực hiện

phương án cánh đồng lớn. Đồng thời đang hướng dẫn các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Tiểu Cần xây dựng phương án cánh đồng lớn sản xuất lúa để thực hiện.

Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg: Hoàn chỉnh kế hoạch để tổ chức 33 lớp đào tạo nghề cho 990 lao động nông thôn, kinh phí 02 tỷ đồng, hiện đang thẩm định nguồn làm cơ sở trình duyệt để triển khai thực hiện.

Chính sách hỗ trợ, phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg: Có 64 cán bộ trẻ về làm việc có thời hạn tại 29 hợp tác xã nông nghiệp, kinh phí hỗ trợ 500 triệu đồng và có 40 HTX nông nghiệp được giải ngân kinh phí hỗ trợ thành lập mới HTX, số tiền 800 triệu đồng. Đồng thời đã phân bổ 02 tỷ đồng cho các HTX kiểu mới đã để xây dựng 04 mô hình liên kết sản xuất.

Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: Đã phân bổ cho các địa phương 19 tỷ đồng để triển khai thực hiện, đã giải ngân được 7,1 tỷ đồng, các địa phương đang tiếp tục giải ngân vốn còn lại.

Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ cho Hợp tác xã nông nghiệp Rạch Lợp (Tiểu Cần), Hợp tác xã nông nghiệp Nhị Trường (Cầu Ngang) và Hợp tác xã nông nghiệp Huyện Hội (Càng Long) về đầu tư cơ sở hạ tầng. Mặc dù, được tiếp cận các chính sách nhưng HTX không đủ kinh phí hoặc tài sản để đối ứng thực hiện công trình theo quy định.

#### **4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Việc quản lý lịch thời vụ của địa phương không chặt chẽ dẫn đến tình trạng xuống giống lúa Hè Thu trước lịch thời vụ.

Các công trình thủy lợi nội đồng thực hiện còn chậm, do các thủ tục triển khai thực hiện đúng theo quy định công trình xây dựng cơ bản nhưng địa phương chưa chủ động ngay từ đầu năm; khi triển khai thực hiện rơi vào thời điểm thu hoạch lúa Đông Xuân nên rất khó thực hiện đúng kế hoạch.

Công tác phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi chưa được quan tâm đúng mức, hộ nuôi chưa có ý thức cao trong công tác phòng chống dịch bệnh nên tỷ lệ tiêm phòng đạt thấp. Tình hình tái đàn trong chăn nuôi rất ít do giá cả đầu ra không ổn định và thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn.

Chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác có hiệu quả cao hơn còn ít, chưa đạt kế hoạch, do nông dân có tập quán trồng lúa và để thực hiện hơn trồng màu, đa phần sản phẩm màu không tồn trữ được lâu, chưa liên kết được đầu ra và giá cả bấp bênh. Bên cạnh đó, giá lúa ổn định ở mức cao nên không khuyến khích nông dân chuyển đổi.

Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào nông nghiệp nông thôn đạt kết quả thấp, hiệu quả chưa cao nên chưa tạo được động lực thúc đẩy nông nghiệp nông thôn phát triển.

Công tác chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ một số mặt còn hạn chế, đặc biệt là nuôi tôm siêu thâm canh (chủ yếu là dân tự phát), các mô hình có hiệu quả nhân rộng còn thấp.

## **II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 5 NĂM 2018**

### **1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:**

#### **a) Trồng trọt**

- Cây lúa: Tiếp tục theo dõi, cập nhật diện tích thu hoạch lúa vụ Đông Xuân còn lại trên đồng; tập trung chỉ đạo xuống giống lúa Hè Thu dứt điểm vào ngày 30/5/2018 theo Thông báo số 09/TB-CCBVTV ngày 21/3/2018 của Chi Cục trồng trọt và BVTV, đồng thời hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh có hiệu quả; tăng cường công tác dự tính, dự báo và xây dựng các điểm dự báo sâu bệnh để kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Kết hợp thống kê điều tra diện tích, năng suất gieo trồng cây màu vụ Đông Xuân và hướng dẫn nông dân chăm sóc cây màu vụ mùa. Tiếp tục khuyến khích nông dân chuyển đổi từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng màu ở những nơi có điều kiện, tập trung phát triển một số cây chủ lực như: bắp, đậu phộng, bí đỏ, ớt, các loại rau màu thực phẩm,...

**b) Chăn nuôi:** Hoàn chỉnh Kế hoạch phòng, chống bệnh đại giai đoạn 2018 – 2021. Phối hợp địa phương vận động hộ chăn nuôi thực hiện tiêm phòng các loại vaccine phòng bệnh cho đàn vật nuôi dứt điểm trong quý II theo chỉ đạo của UBND tỉnh, đặc biệt là cúm gia cầm và LMLM gia súc; tiếp tục vận động hộ chăn nuôi cam kết thực hiện những quy định trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

**c) Thủy sản:** Phối hợp Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Duyên Hải khảo sát vùng nuôi Hàu để chuyển sang nuôi cá Bớp; khuyến cáo người nuôi tôm thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, dịch bệnh, môi trường thích hợp để thả nuôi theo hình thức thâm canh, bán thâm canh và siêu thâm canh (có cam kết không gây ô nhiễm môi trường vùng nuôi); tăng cường cán bộ chuyên môn xuống các vùng nuôi thủy sản trọng điểm tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân nuôi thủy sản ở các huyện ven biển. Thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích và thông báo để nông dân quản lý ao nuôi.

**d) Lâm nghiệp:** Trình UBND tỉnh phê duyệt dự án thuộc CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững và chủ trương đầu tư Dự án xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng chống sạt lở bờ sông xã Định An, huyện Trà Cú và chủ trương thực hiện Dự án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang xây dựng Luồng tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu. Lấy kiến ý của các Sở, ban ngành định mức kinh tế kỹ thuật một số loài cây lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục tổ chức tuyên truyền các văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản và PCCC rừng; tổ chức nghiệm thu công tác vệ sinh phòng cháy rừng. Tăng cường công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng, tuần tra kiểm soát lâm sản, quản lý động vật hoang dã; xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh.



#### **d) Phát triển nông thôn:**

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tham mưu UBND tỉnh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (nâng cao) để triển khai thực hiện giai đoạn 2018 – 2020; hoàn chỉnh, trình phê duyệt Đề án Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2030; thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Chương trình bố trí dân cư: Lập hồ sơ quyết toán hoàn thành Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông; xin chủ trương tiếp tục đầu tư các hạng mục còn lại của dự án Di dân sạt lở áp Cồn Phụng xã Long Hòa; phối hợp UBND thị xã Duyên Hải, xã Trường Long Hòa triển khai kế hoạch xây dựng nhà ở cho các hộ dân. Tổng hợp báo cáo rà soát, đánh giá tình hình bố trí dân cư 3 năm 2018-2020 và định hướng thời gian tới.

- Kinh tế hợp tác: Triển khai tập huấn cho các HTX từ nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Phối hợp Trường Quản lý cán bộ Nông nghiệp II xây dựng Dự án thực hiện 04 mô hình liên kết đối với các HTX tham gia thí điểm HTX kiểu mới; hỗ trợ các HTX thí điểm liên kết sản xuất với Tổng công ty Lương thực miền Nam; hướng dẫn, hỗ trợ Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Châu Thành xây dựng chủ trương và phương án thực hiện Cánh đồng lớn; hỗ trợ các HTX xây dựng phương án cánh đồng lớn đối với các sản phẩm chủ lực.

- Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Duy trì hoạt động cấp nước tại 162 trạm; tiếp tục mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch nông thôn và lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 500 hộ; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

#### **2. Công tác chuyên môn**

- Công tác quy hoạch: Trình phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành và quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu, xử lý ban hành văn bản: Hoàn chỉnh trình thẩm định Dự thảo Quyết định ban hành quy định phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; lấy ý kiến đóng góp các sở, ngành tỉnh và địa phương dự thảo Nghị quyết về Quy định một số chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào ngành hàng tôm đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Công tác khoa học kỹ thuật: Hoàn chỉnh và phê duyệt Kế hoạch khuyến nông trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Tổ chức 35 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật và phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; tổ chức triển khai, theo dõi các mô hình đang thực hiện thuộc các nguồn vốn và các chương trình kết hợp; hoàn chỉnh ban hành hướng dẫn quy trình kỹ thuật các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực và trình bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật một số loại cây trồng, vật nuôi và thủy sản; tiếp tục hỗ trợ hộ chăn nuôi bò và thẩm định 6 ha diện tích xuống giống cam còn lại theo Chương trình Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2025.

- Theo dõi nắm sát diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, xâm nhập mặn, đồng thời đôn đốc các địa phương triển khai thi công và đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thủy lợi nội đồng hoàn thành trong tháng 5 để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất. Hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai và Phương án ứng phó sự cố thiên tai năm 2018. Tập trung kiểm tra, giám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn phân bổ 2018 và vốn kết dư năm 2017 chuyển sang. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho các cán bộ quản lý tại địa phương, hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch ngẫu nhiên, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Việt Nam tổ chức quay phim các sản phẩm đặc sản trên địa bàn huyện Châu Thành, Cầu Kè, Càng Long, Cầu Ngang, Trà Cú và thành phố Trà Vinh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn như Quyết định 50/2014/QĐ-TTg, 62/2013/QĐ-TTg, 48/2010/QĐ-TTg, Nghị định 210/2013/NĐ-CP, 35/2015/NĐ-CP, Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND,...

- Tiếp tục sản xuất, điều tiết cung ứng giống cây trồng, thủy sản; theo dõi các mô hình thực nghiệm, sản xuất giống đang thực hiện; tổ chức chuyển giao kỹ thuật chọn và ương dưỡng giống một số đối tượng nước lợ.

- Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình được phân bổ vốn năm 2018.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Ngọc Hải*

# THỐNG KÊ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN THÁNG 4 VÀ 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Tính đến ngày 15/4/2018)



STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	TH tháng 4	Ước TH 4 tháng đầu năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>							
<b>I.</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>							
	<b>Tổng DT gieo trồng</b>	Ha	95.033	272.050	13.668	96.852	101,91%	35,60%
	<b>Cây lương thực có hạt</b>	Ha	70.697	221.650	3.575	72.874	103,08%	32,88%
<b>1</b>	<b>Cây lúa</b>	Ha	68.386	216.650	2.622	70.737	103,44%	32,65%
	<b>Sản lượng</b>	Tấn	308.315	1.153.000	252.387	351.278	113,93%	30,47%
	Trong đó							
	<b>Vụ mùa</b>							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	2.367	1.650		1.697	71,70%	102,85%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.367	1.650	407	1.697	71,70%	102,85%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	45,23	42,42	45,20	43,33	95,80%	102,13%
	- Sản lượng	tấn	10.705	7.000	1.840	7.353	68,69%	105,04%
	<b>Vụ Đông - Xuân</b>							
	- DT gieo sạ	ha	59.915	60.000		66.418	110,85%	110,70%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	51.513	60.000	39.299	53.531	103,92%	89,22%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	57,77	60,50	63,75	64,25	111,21%	106,20%
	- Sản lượng	tấn	297.610	363.000	250.547	343.925	115,56%	94,75%
	<b>Vụ Hè Thu</b>							
	- Diện tích	Ha	6.104	77.000	2.622	2.622	42,96%	3,41%
	- Năng suất	Tạ/ha		51,04				
	- Sản lượng	tấn		393.000				
	<b>Vụ Thu đông</b>							
	- Diện tích	Ha		78.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		50,00				
	- Sản lượng	tấn		390.000				
<b>2</b>	<b>Cây màu</b>	Ha	<b>26.647</b>	<b>55.400</b>	<b>11.046</b>	<b>26.116</b>	<b>98,01%</b>	<b>47,14%</b>
<b>2.1</b>	<b>Cây bắp</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2.311	5.000	953	2.137	92,48%	42,75%
	- Diện tích thu hoạch	"	975	5.000	864	920	94,36%	18,40%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,5	54,0	56,2	56,1	101,08%	103,89%
	- Sản lượng	Tấn	5.411	27.000	4.858	5.161	95,38%	19,12%
<b>2.2</b>	<b>Khoai lang</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	592,76	1.200	423	615	103,81%	51,28%
	+ Diện tích thu hoạch	"	159	1.200	158	165	103,77%	13,75%
	+ Năng suất	Tạ/ha	158,0	158,3	161,8	161,5	102,22%	102,00%
	+ Sản lượng	Tấn	2.512	19.000	2.556	2.665	106,07%	14,03%
<b>2.3</b>	<b>Sắn</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	331,54	950	169	330	99,56%	34,74%
	+ Diện tích thu hoạch	"	81	950	72,9	75	92,59%	7,89%
	+ Năng suất	Tạ/ha	153,0	157,9	158,0	157,9	103,20%	100,00%
	+ Sản lượng	Tấn	1.239	15.000	1.152,2	1.184	95,55%	7,89%
	<b>Cây có củ khác</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	201,84	600	117	231	114,50%	38,52%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	TH tháng 4	Ước TH 4 tháng đầu năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích thu hoạch	"	87,0	600	15,0	95	109,20%	15,83%
<b>3</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	<b>12.418</b>	<b>30.750</b>	<b>3.460</b>	<b>12.624</b>	<b>101,66%</b>	<b>41,05%</b>
	<b>Rau các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	12.046	30.000	3.285	12.330	102,36%	41,10%
	+ Diện tích thu hoạch	"	10.520	30.000	6.770	7.820	74,33%	26,07%
	+ Năng suất	Tạ/ha	225,8	228,0	228,7	228,4	101,15%	100,18%
	+ Sản lượng	Tấn	237.542	684.000	154.809	178.609	75,19%	26,11%
	<b>Đậu các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	372	750	175	294	78,99%	39,18%
	+ Diện tích thu hoạch	"	79	750	7	62	78,48%	8,27%
	+ Năng suất	Tạ/ha	10,70	17,3	161,2	18,2	170,09%	105,00%
	+ Sản lượng	Tấn	84,00	1.300	113	113	134,33%	8,68%
<b>4</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>		<b>7.902</b>	<b>13.300</b>	<b>3.373</b>	<b>6.923</b>	<b>87,61%</b>	<b>52,05%</b>
	<b>Đậu phộng</b>	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.471	5.200	1.196	3.523	101,50%	67,76%
	+ Diện tích thu hoạch	"	980	5.200	175	1.150	117,35%	22,12%
	+ Năng suất	Tạ/ha	46,7	51,54	353,94	53,86	115,33%	104,50%
	+ Sản lượng	Tấn	4.577	26.800	6.194	6.194	135,33%	23,11%
	<b>Mía</b>							
	+ Diện tích trồng	Ha	3.266	5.600	1.707	2.230	68,28%	39,83%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.750	5.600	35	2.100	76,36%	37,50%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.078	1.100	67.200	1.120	103,90%	101,82%
	+ Sản lượng	Tấn	296.463	616.000	235.200	235.200	79,34%	38,18%
	<b>Cây lác (cói)</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.165	2.500	469	1.169	100,41%	46,78%
	+ Diện tích thu hoạch	"	130	2.500	20	170	130,77%	6,80%
	+ Năng suất	Tạ/ha	110,0	110,0	969,0	114,0	103,64%	103,64%
	+ Sản lượng	Tấn	1.430	27.500	1.938	1.938	135,52%	7,05%
<b>5</b>	<b>Cây trồng khác</b>	"						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.890	3.600	2.551	3.255	112,65%	90,42%
	+ Diện tích thu hoạch	"	450	3.600	34	240	53,33%	6,67%
<b>II</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>							
<b>B</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
<b>C</b>	<b>THỦY SẢN</b>							
<b>1.</b>	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	<b>19.695</b>	<b>52.000</b>	<b>6.608</b>	<b>19.335</b>	<b>98,18%</b>	<b>37,18%</b>
<b>1.1.</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	<b>546,8</b>	<b>3.500</b>	<b>52,4</b>	<b>415,5</b>	<b>75,98%</b>	<b>11,87%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	376,67	2.000	22,35	357	94,90%	17,87%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	2,15	50	1,30	5	238,60%	10,26%
	Cá lóc	"	124,32	270	21,05	68	54,71%	25,19%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	170,10	1.500	30,00	58	34,10%	3,87%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	170,10	1.500	30,00	58	34,10%	3,87%
	- Diện tích nuôi khác	"						
<b>1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Ha	<b>19.148</b>	<b>48.500</b>	<b>6.556</b>	<b>18.920</b>	<b>98,81%</b>	<b>39,01%</b>
	- Diện tích nuôi cá							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	19.063	47.500	5.711	18.075	94,82%	38,05%
	Trong đó: + Tôm sú	"	15.610	22.000	4.020	14.721	94,30%	66,91%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	2.447	7.500	1.687	3.152	128,82%	42,03%
	+ Cua biển	"	1.006	18.000	4	202	20,07%	1,12%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	85	1.000	845	845	994,12%	84,50%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	TH tháng 4	Ước TH 4 tháng đầu năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
<b>2</b>	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	<b>Tấn</b>	<b>42.625</b>	<b>201.600</b>	<b>13.375</b>	<b>44.291</b>	<b>103,91%</b>	<b>21,97%</b>
<b>2.1</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	<b>Tấn</b>	<b>21.310</b>	<b>126.900</b>	<b>7.454</b>	<b>21.904</b>	<b>102,79%</b>	<b>17,26%</b>
<b>2.1.2</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	<b>Tấn</b>	<b>15.248</b>	<b>71.300</b>	<b>4.261</b>	<b>13.424</b>	<b>88,04%</b>	<b>18,83%</b>
	- Sản lượng cá	"	14.770	70.000	4.066	12.739	86,25%	18,20%
	<i>Trong đó: cá tra, cá ba sa</i>	"	4.245	23.500	1.410	2.341	55,15%	9,96%
	<i>Cá lóc</i>	"	7.230	30.000	2.101	7.190	99,44%	23,97%
	Tôm càng xanh	"	478	1.300	195	686	143,53%	52,75%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
<b>2.1.3</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	<b>Tấn</b>	<b>6.062</b>	<b>55.600</b>	<b>3.193</b>	<b>8.480</b>	<b>139,89%</b>	<b>15,25%</b>
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	- Sản lượng giáp xác	"	5.599	52.500	3.084	8.244	147,24%	15,70%
	<i>Trong đó: + Tôm sú</i>	"	1.382	11.800	564	1.538	111,31%	13,04%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	3.044	33.500	2.322	6.054	198,87%	18,07%
	+ Nuôi cua biển	"	1.173	7.200	197	653	55,62%	9,06%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	463	3.100	109	235	50,88%	7,59%
<b>2.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	<b>Tấn</b>	<b>21.316</b>	<b>74.700</b>	<b>5.921</b>	<b>22.387</b>	<b>105,03%</b>	<b>29,97%</b>
<b>2.2.1</b>	<b>Khai thác biển</b>	<b>"</b>	<b>18.271</b>	<b>63.100</b>	<b>5.289</b>	<b>19.251</b>	<b>105,36%</b>	<b>30,51%</b>
	+ Cá các loại	"	8.129	26.000	2.434	8.614	105,96%	33,13%
	+ Tôm các loại	"	2.507	8.100	620	2.639	105,26%	32,57%
	+ Thủy sản khác	"	7.636	29.000	2.235	7.998	104,75%	27,58%
<b>2.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	<b>Tấn</b>	<b>3.044</b>	<b>11.600</b>	<b>632</b>	<b>3.136</b>	<b>103,03%</b>	<b>27,04%</b>
	+ Cá các loại	"	1.576	5.500	333	1.515	96,12%	27,54%
	+ Tôm các loại	"	934	3.500	165	1.163	124,52%	33,22%
	+ Thủy sản khác	"	535	2.600	134	459	85,88%	17,66%
	<b>* Tình hình thiệt hại tôm sú</b>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	13.897		3.704	12.247	88,13%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	489		153	395	80,78%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	15.610		4.020	14.721	94,30%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	407		49	156	38,30%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.062		381	966	90,97%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	85		14	37	44,14%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	8		4	4	48,52%	
	<b>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</b>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	5.954		3.752	7.817	131,29%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.180		447	989	83,81%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	941		1.687	3.152	335,00%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	415		146	349	84,07%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.459		902	1.792	122,81%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	241		93	215	89,21%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	17		10	12	72,64%	